

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày 29-4 -2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Khởi Nghĩa

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Trung L, sinh năm: 1955; cư trú tại: Ấp LĐ, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Hồng C, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp MDB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1973; cư trú tại: Ấp MDB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Trung L trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 17/01/2022:

Ngày 25/5/2021, ông và ông T ký kết hợp đồng mua bán cây, theo hợp đồng ông bán cho ông T một mảnh rừng được 15 năm tuổi, giá 95.000.000đ, ông T trả làm 02 lần: Lần thứ nhất trả trước 40.000.000đ vào ngày 20/4/2021 al. Lần thứ hai trả đủ 55.000.000đ sau 20 ngày kể từ ngày trả lần 1. Ông T khai thác trong 45 ngày, sau 45 ngày ông T phải giao trả lại mặt bằng. Sau khi ký kết hợp đồng, ông T, bà C vào khai thác và đã trả 40.000.000đ, sau khi khai thác xong, ông T, bà C không trả số tiền còn lại theo thỏa thuận. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền trên nhưng đến nay ông T vẫn không trả. Nay, ông yêu cầu ông

T và bà C trả cho ông số tiền mua cây rừng còn nợ là 55.000.000 đồng trong tháng 2/2022 al.

Bà Huỳnh Hồng C trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 17/01/2022: Bà thống nhất lời trình bày của ông L về nội dung vụ án. Bà đồng ý cùng ông T trả cho ông L 55.000.000đ trong tháng 02/2022 al, nếu sai hẹn bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với ông Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Hồng C và ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Theo lời trình bày của ông L, bà C và hợp đồng mua bán cây giữa ông L và ông T ngày 25/5/2021. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 25/5/2021, ông L và ông T ký kết hợp đồng mua bán cây, theo hợp đồng ông L bán cho ông T một mảnh rừng được 15 năm tuổi, giá 95.000.000đ, ông T trả làm hai lần: Lần thứ nhất trả trước 40.000.000đ vào ngày 20/4/al. Lần thứ hai trả đủ 55.000.000đ sau 20 ngày kể từ ngày trả lần thứ nhất. Ông T khai thác trong 45 ngày, sau 45 ngày ông T phải giao trả lại mặt bằng. Ông T, bà C đã trả 40.000.000đ, còn nợ lại 55.000.000đ. Đối với ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông L. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà C, ông T còn nợ ông L số tiền 55.000.000đ nên cần buộc bà C, ông T trả cho ông L số tiền nợ 55.000.000đ là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự: Ông L không phải chịu. Bà C và ông T phải chịu 55.000.000đ x 5% = 2.750.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung L.

1. Buộc bà Huỳnh Hồng C và ông Phạm Văn T trả cho ông Lê Trung L số tiền nợ 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Lê Trung L không phải chịu. Bà Huỳnh Hồng C và ông Phạm Văn T phải chịu 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Lê Trung L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Hồng C và ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng